TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HS-ST
Ngày: 17-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Công

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Ngọc Hương

Ông Nguyễn Văn Quyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Trần Đình Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2025/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy T (Tên gọi khác: T Trận). Sinh ngày 10 tháng 9 năm 1984, tại CL, Khánh Hòa. Nơi cư trú: Thôn TL, xã CPT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 02/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Trọng, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1959. Vợ, con: Chưa. Tiền án: Bản án số 16/2022/HSST ngày 11/3/2022, của Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong bản án ngày 04/3/2023. Tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 77/2005/HSST ngày 22/9/2005 của Tòa án nhân dân thị xã C xử phạt 04 năm tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển giao thông đường bộ", chấp hành xong bản án ngày 31/10/2008; Bản án số 168/2011/HSPT ngày 19/9/2011, của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", chấp hành xong bản án ngày 18/5/2016; Bản án số 09/2021/HSST ngày 23/3/2021, của Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/02/2022; Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 03/9/2013, của Ủy ban nhân dân huyện CL áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 12/02/2015; Quyết định số 05/QĐ-TA ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CL áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện thời hạn 24 tháng; Quyết định số 01/QĐ-XPHC ngày 13/01/2025 của Công an xã CPT, huyện CL của

phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt ngày 16/01/2025. (Có mặt).

2. Nguyễn K (Tên gọi khác: TV). Sinh ngày 04 tháng 02 năm 1991, tại C, Khánh Hòa. Nơi cư trú: Thôn TN, xã CPĐ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Nhật Vỹ, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Thùy Hương, sinh năm 1966. Vợ, con: Chưa. Tiền án: Bản án số 27/2019/HSST ngày 20/6/2019, của Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/11/2020; Bản án số 33/2023/HSST ngày 20/4/2023, của Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/12/2023. Tiền sự: Không. Nhân thân: Quyết định số 390/QĐ-TA ngày 16/9/2016, của Tòa án nhân dân thành phố VT áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 26/01/2018; Quyết định số 15/QĐ-XPHC ngày 30/8/2024, của Công an xã CPĐ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Quyết định số 43/QĐ-TA ngày 25/10/2024, của Tòa án nhân dân thành phố C áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng. Bị cáo hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt).

- Bị hại: Trần Thị Mỹ U, sinh năm: 1993. Nơi cư trú: Thôn HD, xã CTN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê N, sinh năm: 1955. Nơi cư trú: Thôn TL, xã CPT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Trương Phú O, sinh năm: 2004. Nơi cư trú: Thôn HD, xã CTN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/8/2024, Nguyễn Duy T điều khiển xe mô tô 79X1-076.56 chở Nguyễn K đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến nhà bà Trần Thị Mỹ U ở thôn HD, xã CTN, thành phố C, T thấy xe đạp điện hiệu OSAKA có gắn chìa khóa xe, trên xe có 01 mũ bảo hiểm, không có người trông coi, cổng nhà không khóa. T nói Khánh đứng ngoài cảnh giới để T lấy xe. T đi vào lấy xe đạp điện rồi cùng với Khánh bỏ đi, trên đường đi T vứt mũ bảo hiểm. Sau đó, T bán xe đạp điện cho ông Lê N ở thôn TL, xã CPT, huyện CL được 2.800.000 đồng. T đưa cho Khánh 1.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 124/KL-HĐĐGTS ngày 06/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C kết luận: 01 xe đạp điện hiệu OSAKA, trị giá 10.400.000 đồng; 01 mũ bảo hiểm, trị giá 36.000 đồng. Tổng giá trị 10.436.000 đồng.

Ông Lê N có hành vi mua xe đạp điện do Nguyễn Duy T bán nhưng không biết là do trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nguyễn Duy T khai nhận mượn xe mô tô 79X1-076.56 của người tên Tý (chưa rõ lai lịch) để đi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra chưa xác định được lai lịch nên tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSCR-HS ngày 17/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đã truy tố các bị cáo T, Khánh về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo T, K về điều khoản như trên của bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù, xử phạt bị cáo K từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận bồi thường, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo ăn năn hối hận vì đã gây ra hành vi vi phạm pháp luật nên đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại Trần Thị Mỹ U, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê N và người làm chứng Trương Phú O vắng mặt. Tuy nhiên, các người tham gia tố tụng này đã có lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt các người tham gia tố tụng này.

[1.2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong hồ sơ và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/8/2024, tại nhà bà Trần Thị Mỹ U ở thôn HD, xã CTN, thành phố C, Nguyễn Duy T, Nguyễn K đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của người khác lén lút trộm cắp 01 xe đạp điện hiệu OSAKA, 01 mũ bảo hiểm của Trần Thị Mỹ U trị gía 10.436.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo T, K có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, cáo trạng số 15/CT-VKSCR-HS ngày 17/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố các bị cáo T, Khánh về điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo T, K là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý tài sản của người khác là một trong những khách thể quan trọng được Luật hình sự bảo vệ, gây tâm lý hoài nghi lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội. Bản thân các bị cáo T, K từng bị Tòa án xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản, chưa được xóa tích lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, cần phải xử lý nghiêm khắc để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét vai trò, tính chất của từng bị cáo: Bị cáo T là người xúi giục bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội, là người trực tiếp thực hiện tội phạm, đồng thời số tiền hưởng lợi của bị cáo T nhiều hơn bị cáo K; còn bị cáo Klà người giúp sức, đứng ngoài cảnh giới cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội nên mức hình phạt của bị cáo T phải cao hơn bị cáo K.

Tuy nhiên, trong hồ sơ và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, trở thành công dân tốt.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị Mỹ U đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê N đã nhận bồi thường, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt:

1.1. Bị cáo Nguyễn Duy T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt (ngày 16 tháng 01 năm 2025).

1.2. Bị cáo Nguyễn K 01 (Một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị Mỹ U đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê N đã nhận bồi thường, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

3.1. Bị cáo Nguyễn Duy T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

3.2. Bị cáo Nguyễn K phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại Trần Thị Mỹ U, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan thi hành án hình sự tỉnh Khánh Hòa;
- Phân trại tạm giam khu vực C, thuộc Trại Tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p C;
- CCTHADS t.p C;
- Công an phường CP, t.p C;
- Bị cáo;
- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công